TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2025/DS-PT
Ngày: 21 - 5 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1384/2025/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa dân sự phúc thẩm số: 1514/TB-TA ngày 06 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Y, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị N là bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:*

Ngày 16/10/2023, bà N có cho bà Y vay số tiền 20.000.000 đồng để làm vốn làm ăn (bỏ mối hủ tiếu cho các quán ăn); thời hạn thanh toán 10 ngày, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng. Khi vay bà Y có ghi "Giấy mượn tiền" và có ký tên và ghi rõ họ tên. Đến hạn trả tiền, bà Y hứa hẹn nhưng không trả tiền gốc và lãi cho bà N theo thỏa thuận. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu bà Y trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 01%/tháng từ ngày 16/10/2023 đến ngày 16/7/2024 là 09 tháng, thành tiền là 1.800.000đồng.

Ngày 10/02/2025, nguyên đơn bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, tính lãi từ ngày 16/10/2023 đến ngày 10/02/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 2.622.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi tiếp từ ngày 11/02/2025 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà N rút một phần yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Y trả tiền là ngày 18/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 05/3/2025 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

- Theo bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Y trình bày:

Bà không có mượn số tiền 20.000.000 đồng của bà Bùi Thị N, bà N vu khống bà mượn tiền. Giấy mượn tiền ngày 02/9/2023 âm lịch (16/10/2023 dương lịch) mà bà N cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của bà, là chữ ký của người khác. Nếu bà thật sự có mượn tiền của bà N thì bà lăn tay vào giấy mượn tiền. Bà không biết tại sao kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh B về chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền là chữ viết và chữ ký của bà. Tuy nhiên, bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết của bà vì bà không có ký tên.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tuyên:

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Võ Thị Y có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị N tổng cộng số tiền là 21.090.000 (hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 1.090.000 (một triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 3.532.000 (ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng, bà Võ Thị Y phải chịu. Bà Võ Thị Y có trách nhiệm hoàn trả cho bà Võ Thị Y chi phí thu thập chứng cứ là 3.532.000 (ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

3. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn bà Võ Thị Y phải chịu là 1.054.000 (một triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm hoàn lại cho bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 545.000 (năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0004544 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/3/2025, bị đơn bà Võ Thị Y kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn bà Y. Bị đơn bà Y giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khẳng định lại các ý kiến đã trình bày tại phiên toà sơ thẩm cho rằng không có vay số tiền 20.000.000 đồng theo văn bản "giấy mượn tiền ngày 16/10/2023" do bà N cung cấp. Đồng thời, bà Y cung cấp 02 văn bản giấy mượn tiền của bà Y đối với bà N đã thanh toán xong để cho rằng khi mượn tiền bà N, ngoài ký tên bà Y đều có lăn tay vào các giấy mượn tiền nhưng giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 không có dấu lăn tay của bà Y nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N. Các đương sự không

thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Y, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bị đơn bà Võ Thị Y kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Y trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng, và tiền lãi của số tiền vay theo quy định pháp luật tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 18/7/2024) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/3/2025) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà N là giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 với nội dung bà Võ Thị Y ở ấp V, xã K T có mượn của bà Bùi Thị N số tiền 20.000.000 đồng có ký tên, ghi rõ họ tên Võ Thị Y.

[2] Bị đơn bà Võ Thị Y không thừa nhận có vay của bà N 20.000.000 đồng, không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 do bà N cung cấp cho Tòa án là của bà Y. Bà Y cho rằng bà N vu khống bà, bà không mượn tiền bà N nên không đồng ý trả.

[3] Xét trình bày của đôi bên đương sự cũng như kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Y không thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 nên nguyên đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Y tại giấy mượn tiền nói trên. Theo Kết luận giám định số 1143/2024/KL-KTHS ngày 23/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

chữ ký dạng chữ viết "yến", chữ viết mang tên Võ Thị Y dưới mục "người nhận" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký dạng chữ viết "yến", chữ viết mang tên Võ Thị Y trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký (viết) ra.

[3.2] Bà Y không đồng ý với kết luận giám định nhưng không có yêu cầu giám định lại, không cung cấp được chứng cứ chứng minh chữ ký, chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 không phải là của bà Y nên có căn cứ xác định chữ ký, chữ viết họ và tên trong giấy mượn tiền ngày 16/10/2023 là của bà Võ Thị Y.

Từ những phân tích trên thấy rằng, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà Y có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc, lãi đã vay 21.090.000 đồng là có căn cứ.

[4] Bà Võ Thị Y kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ minh minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Y phải nộp số tiền án phí 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Y.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N.

1. Buộc bà Võ Thị Y có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị N số tiền là 21.090.000 (hai mươi mốt triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 1.090.000 (một triệu

không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 3.532.000 (ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng, bà Võ Thị Y phải chịu. Bà Võ Thị Y có trách nhiệm hoàn trả cho bà Bùi Thị N số tiền chi phí thu thập chứng cứ là 3.532.000 (ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn bà Võ Thị Y phải chịu là 1.054.000 (một triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Chi cục Thi hành án huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm hoàn lại cho bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 545.000 (năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0004544 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Y1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Y1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009329 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn